

CÁC DẠNG THỨC ỨNG XỬ VÀ THÍCH NGHI CỦA NGƯỜI VIỆT Ở ĐÔ THỊ MIỀN NÚI (Trường hợp huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La)

TRẦN THỊ HỒNG YẾN

Vấn đề người Việt ở các đô thị miền núi, nhất là trong quá trình đô thị hóa ở miền núi là đề tài nghiên cứu hấp dẫn, có ý nghĩa cả về khoa học và thực tiễn. Tuy nhiên, vấn đề này mới được một số công trình nghiên cứu đề cập đến dưới các góc độ khác nhau, như các cuốn Địa chí của các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Giang, Quảng Ninh được biên soạn trong thời gian gần đây; các nghiên cứu của Viện Sử học, Nguyễn Văn Huy (1982), Trần Hữu Sơn (1985), Hoàng Hữu Bình (1993), Nguyễn Công Thảo (2000), Mạc Đường (2001)...

Bài viết này cung cấp một số tư liệu, bổ sung thêm về các dạng thức ứng xử và thích nghi của người Việt ở đô thị miền núi.

1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Quỳnh Nhai là một huyện miền núi phía Tây Bắc, tỉnh Sơn La, cách Hà Nội khoảng hơn 400 km với diện tích tự nhiên 792 km². Đến đầu năm 2010, dân số Quỳnh Nhai có 57.000 người, trong đó, người Thái chiếm 84,36% dân số, Việt 3,92% dân số, còn lại là số ít các dân tộc khác (Kháng, Dao, Hmông...). Trước năm 2003, địa hình huyện cũ trải dọc ven sông Đà, gồm 7 xã (Chiềng Khay, Chiềng Ôn, Cà Nàng, Mường Giôn, Mường Chiên, Pha Khinh, Pắc Ma), trung tâm huyện lỵ nằm ở xã Mường Chiên. Ngày 02/12/2003, Chính phủ ban hành Nghị

định số 148/2003/NĐ-CP chuyển 25.911 ha diện tích đất tự nhiên và 26.659 nhân khẩu của các xã Mường Giàng, Chiềng Bằng, Mường Sại, Liệp Muội, Nậm Ét, Chiềng Khoang thuộc huyện Thuận Châu về huyện Quỳnh Nhai. Địa bàn này là nơi sinh sống chủ yếu của người Thái, mang đậm dấu ấn *văn hóa sông nước Thái*.

Người Việt ở Quỳnh Nhai sống tập trung ở trung tâm huyện lỵ, số ít rải rác ở các trung tâm các xã. Ở trung tâm huyện lỵ, người Việt chia thành 3 nhóm dân cư chính theo thời điểm chuyển cư kết hợp với quê quán:

- Nhóm quê ở Thái Bình gồm một số cán bộ được điều lên công tác từ năm 1958 và chiếm số đông là các hộ nông dân lên đây từ những năm 1962 - 1963, theo chủ trương “Vận động đồng bào miền xuôi đi xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa miền núi” của Chính phủ.

- Nhóm quê Nam Định, chuyển cư tự do lên làm đồ gỗ, vật liệu xây dựng.

- Nhóm quê Hưng Yên (và nhiều tỉnh khác), chuyển cư tự do lên buôn bán từ năm 1986 đến những năm gần đây.

Từ giữa năm 2008, phục vụ Dự án công trình thủy điện Sơn La, toàn bộ khu huyện lỵ Quỳnh Nhai được chuyển ra lòng chảo Phiêng Lanh (thuộc xã Mường Giàng) theo *mô hình tái định cư đô thị*. Dựa trên

đăng ký của các hộ dân, huyện đã bố trí việc tái định cư tại khu đô thị Phiêng Lanh gồm toàn bộ nhóm người Việt buôn bán quê Nam Định, Hưng Yên và một bộ phận nhỏ nhóm Thái Bình (phần lớn là cán bộ nghỉ hưu hoặc đang công tác tại huyện), cùng hai bản Thái Nghe Toóng, Chảo Quân của xã Mường Chiên. Còn đại bộ phận nhóm Việt ở Thái Bình di chuyển đi các nơi khác ngoài huyện.

Qua quá trình sinh sống, nhóm người Việt lên sớm đã có nhiều đóng góp trong công cuộc phát triển kinh tế địa phương (nhất là kinh tế nông nghiệp), giáo dục, văn hóa, xây dựng hệ thống chính trị. Trong khi đó, nhóm lên muộn có đóng góp lớn trong việc tạo dựng được nền kinh tế thị trường với hệ thống thương mại và dịch vụ cho vùng đất còn nhiều gian khó này. Vai trò của mỗi nhóm thể hiện thể ứng xử và thích nghi trong quá trình sinh sống ở cả hai nơi đô thị cũ và đô thị mới.

2. Những dạng thức ứng xử và thích nghi của ba nhóm cư dân Việt

2.1. Nhóm người Việt Thái Bình

Từ đồng bằng lên Quỳnh Nhai lập nghiệp, vượt qua biết bao gian khổ, khó khăn, thiếu thốn ở một huyện miền núi, cách xa thị xã Sơn La hơn 400 km, với sự giúp đỡ của người Thái sở tại, những người Việt Thái Bình với bản chất cần cù, chịu khó suy tính làm ăn, đã từng bước ổn định cuộc sống, khẳng định được vai trò trong các mặt đời sống ở quê mới và phát huy được ảnh hưởng của mình với các tộc người thiểu số. Một bộ phận đông đảo trong số họ thoát ly sản xuất nông nghiệp, trở thành cán bộ các cơ quan nhà nước, sống ở huyện lỵ Quỳnh Nhai. Trong bộ máy chính quyền địa phương, họ đảm đương các công việc quan trọng. Đến năm 2009, riêng nhóm chính

quyền huyện đã có 23 cán bộ công chức, viên chức là người Việt (Số liệu UBND huyện Quỳnh Nhai), trong đó phần lớn có quê gốc ở Thái Bình. Điển hình, gia đình ông Bùi Đức Biều có hai con trai là cán bộ lãnh đạo quan trọng của huyện. Tuy nhiên, cơ cấu cán bộ của một huyện miền núi đã ảnh hưởng phần nào đến việc đề bạt cán bộ người Việt vào các vị trí lãnh đạo.

Về quan hệ xã hội, điều kiện sống mới ở một huyện miền núi cũng đặt ra cho người Việt cách ứng xử để thích nghi. Hình thức nhận người Thái làm bố mẹ nuôi và kết hôn với người Thái là biểu hiện của tình cảm hòa đồng xuất hiện ngày càng nhiều trong những gia đình công chức Việt gốc Thái Bình. Thật khó phân biệt được rạch ròi đâu là yếu tố chính.

Ông Bùi Văn B là một ví dụ. Ông nhận hai bậc cao niên người Thái, một ở bản Mường Chiên, một ở bản Hé (cùng thuộc xã Mường Chiên) làm bố mẹ nuôi; yêu quý như bố mẹ đẻ. Khi bố mẹ nuôi mất, ông về chịu tang và gánh trách nhiệm như một người con đẻ theo phong tục Thái. Ngoài việc nhận bố mẹ nuôi, ông Biều cũng trở thành thông gia của dòng họ Điều Chính người Thái (hai con trai của ông đều lấy vợ là người Thái). Mối quan hệ hôn nhân Việt - Thái còn mở rộng và đan xen rất chặt chẽ ngay trong dòng họ này¹. Dưới cái nhìn của những người ngoài cuộc thì việc thiết lập quan hệ hôn nhân giữa họ Bùi Văn (Thái Bình) với họ Điều Chính

¹ Ông thông gia thứ nhất của ông B là nguyên Giám đốc Bệnh viện huyện Quỳnh Nhai có tám người con (3 nam, 5 nữ), phần lớn là cán bộ lãnh đạo các cơ quan quan trọng của tỉnh, huyện; năm người con gái đều lấy chồng người Việt và đều là cán bộ lãnh đạo ở huyện.

Ông thông gia thứ hai của ông Biều nguyên là trưởng Ban công tác địch vận trong quân đội), có 5 người con gái đều là cán bộ huyện và cả 5 người này đều lấy chồng Việt (đều là cán bộ lãnh đạo huyện, tỉnh).

là “sự liên kết quyền lực”, tạo ra những dòng họ “có thế lực” ở huyện Quỳnh Nhai. Trong khi đó, ông B lại cho rằng, là cán bộ lãnh đạo người Việt ở giữa một cộng đồng người Thái đông đảo, thì việc có quan hệ anh em, thông gia với người Thái rất thuận lợi cho công tác, nhất là cho việc tuyên truyền thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước xuống dân. Ngoài gia đình ông Biều, nhiều người Việt khác cũng kết hôn với người Thái.

Việc nhận làm con nuôi, kết hôn, sống gần gũi với người Thái trong thời gian dài giúp nhóm Việt Thái Bình rất am hiểu phong tục tập quán và có tình cảm sâu nặng với người Thái Quỳnh Nhai. Ngược lại, người Thái cũng coi những người Việt Thái Bình là “người Quỳnh Nhai” để phân biệt với các nhóm Việt khác.

Việc di chuyển lên quê mới trong điều kiện kinh tế và giao thông xưa kia rất khó khăn khiến nhóm Việt Thái Bình không hoặc ít có mối liên hệ với quê cũ. Những mối quan hệ xã hội chính của họ đều ở Quỳnh Nhai. Trong khi nhóm Việt Nam Định và Hưng Yên vào mùng 3, 4 Tết hàng năm hoặc khi có cưới xin, tang ma lại trở về quê hương, thì nhóm Việt Thái Bình không về. Trong những ngày Tết, họ đi thăm họ hàng, người thân, ăn Tết “luân phiên” với các gia đình Thái. Họ coi Quỳnh Nhai là quê hương chính của mình: “Sống gửi, thác chôn”. Trên thực tế, tất cả những người Việt Thái Bình khi chết đều chôn lại ở mảnh đất này. Nhờ đó, ranh giới Việt - Thái bị xóa nhòa.

Về văn hóa, dù sống xa quê hương, người Việt Thái Bình vẫn cố gắng duy trì những nét cơ bản nhất trong các bước cưới xin, tang ma, lễ, tết truyền thống. Vào năm 2000, khi điều kiện kinh tế cho phép, nhóm

Việt này đã mua bộ đàn khiêng, kèn, trống. Điều này thật ý nghĩa bởi sau gần 40 năm, phong tục “sống dầu đèn, chết kèn trống” mới được thực hiện tại quê mới.

Tuy nhiên, do điều kiện sống ở quê mới có nhiều điểm khác biệt và có một thời gian dài sống với người Thái nên một số yếu tố văn hóa của người Việt Thái Bình đã biến đổi theo người Thái và ngược lại. Những người Việt lấy vợ Thái đều ở nhà sàn Thái, nói tiếng Thái và thích món ăn Thái. Ngay cả những người không lấy vợ Thái cũng “nghiên” món ăn Thái như *năm pịa*, các món ăn được chế biến từ rêu, gà mọ, lạp, thịt lam... Nhiều người còn chế biến thành thạo, biến chúng thành những món ăn thông thường trong gia đình mình. Một số người còn được mời làm “bếp chính” cho những đám cưới của người Thái. Do sống gần gũi, lâu dài với người Thái, những người Việt Thái Bình từ già đến trẻ đều thạo tiếng Thái. Điều đó giúp cho họ tự tin hơn, thêm hiểu, và tôn trọng phong tục tập quán, văn hóa của người Thái. Phong cách sống Thái cũng đã xâm nhập vào trong từng gia đình người Việt Thái Bình. Mọi người đã cư xử thân mật hơn, yêu thương, đùm bọc nhau hơn.

Ngược lại, một số mặt văn hóa Thái cũng đã bị Việt hóa. Những phong tục của người Thái như tục ở rẫy, các bước cưới xin, do chịu ảnh hưởng của người Việt, đã đơn giản hơn nhiều. Trước kia người Thái phải cưới đến ba lần, nay chỉ một lần và mất đi tục ở rẫy. Trang phục hàng ngày của các bà, các chị (nhất là trong hàng ngũ công chức nhà nước), lớp thanh niên trẻ cũng đã theo người Việt.

Cách chào hỏi khách theo truyền thống của người Thái cũng biến đổi theo người Việt cho phù hợp với cuộc sống mới. Trước đây,

khi thấy khách đến nhà, người con gái Thái phải quì xuống, hai tay chắp trước ngực chào khách, tỏ lòng tôn trọng khách; trên đường đi gặp khách thì phải ngồi xổm, bỏ nón chào khách và đợi khách đi qua mới được đứng dậy, còn nếu gặp người quen thì dừng lại chuyện trò một lúc rồi mới đi. Nay họ đã học theo cách chào hỏi của người Việt.

Về ăn uống, người Thái cũng đã biết ăn món thịt chó “bảy món” như người Việt và họ rất thích món thịt chó nấu rựa mận.

Về tâm linh, một số người Thái cũng thấp hương vào ngày mồng một và ngày rằm vì họ mong được tổ tiên, ông bà phù hộ làm ăn giỏi như người Việt.

Mối quan hệ thân mật Việt - Thái còn thể hiện rõ trong những ngày vui (đám cưới, mừng nhà mới), ngày Tết Nguyên đán, *Síp xí* (14 tháng Bảy), tang ma của người Thái, người Việt đều được mời tham dự và ngược lại, người Thái cũng có mặt trong những ngày trọng đại của người Việt.

Như vậy, từ khi lên Quỳnh Nhai sinh sống, bên cạnh việc giữ gìn được những nét cơ bản của văn hóa tại quê cũ, người Việt Thái Bình cũng đã biết hòa đồng với văn hóa Thái, tiếp thu những tinh hoa của văn hóa Thái; đồng thời cũng phát huy những tinh hoa của văn hóa Việt cho người Thái. Sự giao lưu văn hóa này làm cho bản sắc văn hóa Thái của vùng Quỳnh Nhai đã thay đổi nhiều so với trước đây. Bản sắc văn hóa Thái đã được xen lẫn văn hóa Việt tạo thành *văn hóa Quỳnh Nhai* - một nền văn hóa được kết thành từ những gì tinh túy nhất của hai tộc người Việt - Thái và nó vẫn đang tiếp tục.

2.2. Nhóm người Việt Nam Định

Những người Việt quê Nam Định là những người nghèo khổ, phần lớn quê ở

huyện Giao Thủy chuyên cư lên đất Quỳnh Nhai vào những năm 80; song phải đến năm 1993, khi con đường từ bến phà Pá Uôn đến huyện lỵ Quỳnh Nhai được nâng cấp, người Việt mới chuyển cư lên đông.

Phần lớn những người Việt Nam Định lên Quỳnh Nhai để hành nghề thợ mộc, thợ xẻ. Đây là nghề ở dưới xuôi họ không thể cạnh tranh được với những làng nghề “dân biết mặt, nước biết tên” như ở Đồng Kỵ (tỉnh Bắc Ninh), Trảng Sơn, Hữu Bằng (huyện Thạch Thất, Hà Nội). Họ chuyển cư theo từng nhóm hai - ba người. Đến đất Quỳnh Nhai, họ vào các bản xin công việc. Sau một vài năm, khi cuộc sống ổn định, họ về quê đưa gia đình, có khi kéo cả anh em họ hàng lên theo.

Địa bàn nhóm Việt Nam Định sinh sống, tập trung ở ven các đường trong huyện lỵ Quỳnh Nhai cũ, ven các con đường lớn ở trung tâm huyện lỵ mới.

Đến cuối những năm 90, kinh tế phát triển, lượng người Việt lên Quỳnh Nhai ngày một đông, nhu cầu xây nhà và làm đồ mộc gia dụng tăng nhanh. Nhờ đó, thị trường kiếm sống của nhóm người Việt Nam Định được mở rộng, từ trong dân đến các cơ quan nhà nước. Sau thời gian tích lũy vốn, một số người trở nên giàu có đã mở các doanh nghiệp tư nhân để có tư cách pháp nhân, vay vốn và hưởng sự ưu đãi, trợ giúp của Nhà nước. Khi nhu cầu xây dựng nhà gạch ngày một tăng, một số gia đình đã mở rộng sang cả lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng.

Công cuộc tái định cư đô thị ở thị trấn mới Phiêng Lanh đã tạo cơ hội làm ăn chưa từng có cho nhóm người Việt Nam Định. Nhiều người “phát” lên một cách nhanh chóng. Số vốn của họ có thể lên tới hàng chục tỉ. Những ông chủ giàu có phải kể đến ông Nguyễn Hữu C (Xóm 2), Trần Trung T

(Xóm 7), ông L (Bến phà Pá Uôn). Họ có những đóng góp quan trọng vào việc xây dựng bộ mặt kiến trúc đô thị mới ở huyện Quỳnh Nhai, mang dáng dấp của một thị trấn hiện đại.

Tuy nhiên, về mặt xã hội, do cạnh tranh gay gắt trong kinh doanh nên sự cố kết cộng đồng trong nhóm Việt Nam Định có phần bị hạn chế. Trong phạm vi gia đình, dòng họ, nhóm này vẫn giữ được mối quan hệ đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau khi sống xa quê. Song đối với những người đồng hương, mối liên hệ giúp đỡ còn chưa nhiều, mạnh ai, nấy làm. Khi chuyển ra thị trấn mới, trước sức ép cạnh tranh với các nhóm thợ các địa phương xung quanh huyện, nhóm người Việt này đã liên kết với nhau trong “Hội đồng hương Nam Định” do những người giàu lập nên, mà ông Trần Trung T làm Hội trưởng. Đến đầu năm 2010, Hội có 64/102 hộ tham gia. Những người sáng lập ra nó mong muốn tạo ra một khối đoàn kết địa phương, giúp nhau phát triển kinh tế. Số vốn của hội có khoảng 30 triệu đồng, nhằm giúp đỡ những người có kinh tế khó khăn. Tuy nhiên, theo đánh giá của một số người trong hội, tính hiệu quả không cao vì số vốn của Hội còn ít, vẫn chưa có sự tương trợ giúp đỡ về phát triển nghề nghiệp giữa các hộ gia đình với nhau... Gần 1/2 số hộ không vào Hội vì họ cho rằng đây là tổ chức của một số ông “trùm sò” giàu có muốn khuyếch trương uy tín và danh giá của mình nhằm tạo thế lực với các nhóm địa phương khác.

Về mối quan hệ với người Thái, do thời gian cư trú chưa lâu, địa bàn cư trú lại tách biệt với người Thái và mục đích cư trú chính tại đây là kiếm tiền, làm giàu nên nhóm Việt Nam Định chưa có mối quan hệ sâu sắc với bà con Thái như nhóm Việt Thái Bình. Họ không kết hôn với người Thái, mà về quê lấy vợ hoặc

chồng. Những người đến tuổi già hoặc bị ốm đau đã trở về quê hương. Nếu chẳng may bị chết thì cũng đưa về quê hương chôn.

2.3. Nhóm người Việt Hưng Yên

Phần lớn những người Việt Hưng Yên ở Quỳnh Nhai có quê gốc ở làng Yên Đô (huyện Yên Mỹ) - một làng có truyền thống đi buôn bán xa và dài ngày. Thanh niên đến tuổi trưởng thành đều lên đường đi làm ăn, đến khi già, yếu mới trở về quê nhà sinh sống. Cả làng có tới vài trăm hộ gia đình, mỗi dòng họ có từ 30 đến 40 hộ, đi làm ăn khắp ngoài Bắc, trong Nam. Họ có bản tính ưa mạo hiểm.

Giống như nhóm Việt Nam Định, nhóm Việt Hưng Yên chuyên cư lên Quỳnh Nhai lẻ tẻ theo thông tin của người thân. Sự chuyển cư của nhóm này bắt đầu từ năm 1993 đến nay, đông nhất từ năm 2000 đến 2004, khi nghe có tin tái định cư lòng hồ thủy điện Sơn La. Họ ồ ạt kéo nhau lên với mục đích hưởng sự bồi thường của Nhà nước và được tái định cư nơi ở mới. Họ “bám trụ” ở trung tâm huyện lỵ cũ; khi chuyển ra Phiêng Lanh, họ ở dọc các con đường lớn. Lĩnh vực kinh doanh chính là đồ dùng gia đình, quần áo, tạp hóa, thực phẩm...

Khi mới lên Quỳnh Nhai, họ là những người gần như tay trắng, làm đủ nghề để kiếm sống, từ mua đồng nát, buôn bán hàng vặt (bày bán trên chiếc mẹt nhỏ), bán hàng rong... Sau một thời gian, hàng hóa bán chạy, song việc mua hàng từ dưới xuôi chuyển lên vô cùng gian nan vì đường sá đi lại khó khăn (vào mùa khô, chuyển một chuyến hàng từ Hà Nội lên Quỳnh Nhai hết khoảng 3 đến 4 ngày, còn mùa mưa hết từ 1 đến 2 tuần), lại phải bốc từ xe ô tô xuống thuyền, chở theo đường sông (1 ô tô hàng tương đương với 10 thuyền). Khi đến gần bến sông cạnh nhà, thuê xe công nông chở về.

Năm 2009 (năm cuối cùng trước khi di chuyển ra khu tái định cư Phiêng Lanh), chỉ tính riêng nhóm Việt buôn bán (chủ yếu ở Hưng Yên) ở trung tâm huyện lỵ đã có 124 cửa hàng, gồm sản xuất (10 hộ), vận tải (2), ăn uống (15), bán lẻ (64), các loại hình dịch vụ (33) (Số liệu Chi cục thuế huyện Quỳnh Nhai 3/2009).

Nếu như nhóm Việt Nam Định tạo dựng nên ngành tiểu công nghiệp và dịch vụ xây dựng cho huyện Quỳnh Nhai thì nhóm Việt Hưng Yên khởi xướng và kích hoạt nền thương nghiệp hàng hóa ở đây phát triển mạnh.

Từ vị thế kinh tế, hai nhóm Việt Nam Định và Hưng Yên đã tạo ra một cơ cấu xã hội mới, gồm thành phần cư dân phi nông nghiệp với số lượng lớn. Họ là chủ thể sáng tạo của nền văn minh đô thị ở một huyện miền núi. *Đây là một trong những những tiêu chí quan trọng nhất để huyện lỵ Quỳnh Nhai cũ trở thành thị trấn mới Quỳnh Nhai trong một ngày gần đây.*

Tuy nhiên, công việc kinh doanh mang tính cạnh tranh lớn dẫn đến tính cố kết cộng đồng của nhóm Việt Hưng Yên không bền chặt. Tính cộng đồng chỉ mạnh mẽ trong các dòng họ như giúp đỡ về kinh tế cho anh em họ hàng khi gặp khó khăn, giúp đỡ người thân ở quê nhà, tham gia các hoạt động công đức, từ thiện tại quê hương như xây nhà thờ họ, đình, chùa làng...

Theo một số người ở làng Yên Đô đang ở Phiêng Lanh thì để “giữ gìn bản sắc văn hóa quê hương” và quan trọng hơn, để các gia đình đi làm ăn tứ xứ quay về quê cha đất tổ, làng Yên Đô quy định ba điều “bất thành văn”:

- Cấm thanh niên lấy vợ chồng nơi xa, phải lấy ở quê nhà;

- Khi ốm đau, cao tuổi hoặc già yếu phải trở về quê hương;

- Nếu chẳng may bị chết thì đem về quê chôn “sống nhờ, thác về quê cũ”, “lá rụng về cội”.

Hàng năm, vào các ngày mùng 3, 4 Tết Nguyên đán, các gia đình Việt Hưng Yên lại đem con cháu về quê hương ăn Tết, dự hội đình và hội chùa. Qua ngày rằm tháng Giêng, họ quay trở lại Quỳnh Nhai.

Về quan hệ với người Thái, Kháng..., do thời gian định cư chưa lâu, do tính chất nghề nghiệp và cư trú riêng biệt nên nhóm Việt Hưng Yên chưa tạo ra được mối quan hệ sâu sắc.

Thay lời kết

Qua trình bày trên đây cho thấy, nhóm người Việt Thái Bình lên Quỳnh Nhai làm kinh tế mới từ rất sớm (1961 - 1962), là những nông dân, với mục đích tìm cho mình một nơi định cư mới, một quê hương thứ hai để làm nông nghiệp. Trong quá trình sinh sống ở đây, phần lớn con cháu họ đã trở thành những cán bộ nhà nước, một số là lãnh đạo trong hệ thống chính trị địa phương. Đóng góp lớn nhất của nhóm Việt Thái Bình là xây dựng chính quyền địa phương vững mạnh, tạo sự đoàn kết giữa Việt - Thái. Họ thật sự có ảnh hưởng lớn đến người Thái và được người Thái tin tưởng, quý mến. Khi nói tới sự giao lưu văn hóa Việt - Thái là nói đến sự hòa đồng văn hóa của nhóm Việt Thái Bình đối với người Thái địa phương. Họ là những người gắn bó, sống chết với Quỳnh Nhai.

Nhóm Việt Nam Định và Hưng Yên lên muộn hơn, chủ yếu từ năm 1993 tới nay, là dân di cư tự do, hoạt động phi nông nghiệp, mục đích làm giàu. Họ đã thành công nhờ chăm chỉ, năng động buôn bán, tạo ra được một khu phố buôn bán sầm uất ở

huyện Quỳnh Nhai. Do đến muộn nên họ chưa gắn bó sâu sắc với bà con địa phương.

Sự khác nhau giữa nhóm Việt Thái Bình và hai nhóm Nam Định, Hưng Yên còn ở chỗ, trong khi nhóm Thái Bình phát triển, làm phong phú nền văn hóa của mình bằng hòa đồng, tiếp thu nền văn hóa của cư dân tại chỗ - văn hóa Thái, thì nhóm Nam Định và Hưng Yên đã cố gắng bảo lưu văn hóa quê nhà bằng sự quay trở về khi có những sự kiện quan trọng: cưới xin, lễ tết, tang ma... và về quê sống lúc cao tuổi. Cái “đích” cuối cùng của nhóm Thái Bình là tạo dựng cuộc sống ngay tại Quỳnh Nhai, còn của nhóm Nam Định, Hưng Yên lại là làm giàu để mang về quê hương sinh sống lúc tuổi già. Nếu cuộc sống ở thị trấn mới làm ăn được, họ sẽ ở lại, bằng không, họ sẽ ra đi bất cứ lúc nào.

Từ thực tiễn di cư của hai nhóm Nam Định và Hưng Yên trình bày trên đây cũng cho thấy một “kiểu” di cư mới, khác với những hình thức di cư được đề cập trong các nghiên cứu trước đây: có 3 loại hình di cư trong lịch sử nhân loại: di cư để tái định cư lâu dài; di cư theo mùa vụ và di cư theo kiểu đi lại thường xuyên, như con lấc (Mạc Đường, 2001). Có thể thấy, đây là kiểu di cư có kế thừa qua nhiều thế hệ. Trên thực tế, phần lớn những thế hệ đi trước khi về già chỉ đem một phần gia tài về quê sinh sống và để lại gần như toàn bộ tài sản của mình cho lớp con cháu đi sau. Nếu sự nghiệp làm ăn bền vững, các dòng họ này sẽ định cư lâu dài, nhưng nếu thấy kinh tế khó khăn, họ sẽ chuyển đi nơi khác. Có thể gọi đây là sự “di cư kế thừa” không bền vững.

Tuy có sự đóng góp ở các mặt khác nhau, nhưng tựu chung cả 3 nhóm người Việt nói trên đã và đang có một vai trò hết sức to lớn trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế địa phương miền núi. Từ những

vị trí họ đảm nhận, có thể khẳng định rằng: không có người Việt thì không thể có Quỳnh Nhai ngày hôm nay. Người Việt đã và đang là động lực quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Quỳnh Nhai.

Tài liệu tham khảo

1. Mạc Đường (2001), “Những quan niệm tiếp cận nghiên cứu dân tộc học về vấn đề vượt nghèo trong quá trình đô thị hóa”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 11-19.
2. Hoàng Hữu Bình (1993), “Cơ cấu dân tộc của cư dân các thị trấn ở các tỉnh miền núi phía Bắc”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 50-52.
3. Nguyễn Văn Huy (1982), “Một số nghiên cứu cư dân thành thị ở miền núi”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 6-9.
5. Trần Hữu Sơn (1985), “Vai trò của thị trấn đối với phát triển văn hóa ở miền núi”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 63-68.
6. Nguyễn Công Thảo (2000), *Người Việt trong cộng đồng các tộc người ở thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu*, Luận văn tập sự, lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
7. Tỉnh ủy, UBND tỉnh Cao Bằng (1999), *Địa chí Cao Bằng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Ninh (2003), *Địa chí Quảng Ninh*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 3 tập.
9. Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thái Nguyên (2009), *Địa chí Thái Nguyên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. UBND tỉnh Bắc Giang (2006), *Địa chí Lạng Sơn*, Sở VH-TT Bắc Giang và Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu khoa học lịch sử và văn hóa Việt Nam.
11. UBND tỉnh Lạng Sơn (1999), *Địa chí Lạng Sơn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.